

TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

VŨ VĂN VIÊN*

Toàn cầu hóa đang trở thành một vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, các nhà hoạt động chính trị, xã hội ở tất cả các quốc gia. Đó cũng là đề tài được các nhà hoạch định chính sách phát triển của các Quốc gia phải tính đến, đặc biệt là trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Việt Nam là một nước chậm phát triển, trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Việt Nam thành một nước dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, chúng ta đang chủ động tham gia hội nhập quốc tế, phải tranh thủ được các thời cơ mà toàn cầu hóa đem lại, đồng thời phải khắc phục được những hạn chế của nó, đặc biệt là những tác động trong lĩnh vực chính trị – xã hội.

Từ thực tế đầy phức tạp trong bối cảnh toàn cầu hóa, chúng ta cần phải có những định hướng đúng đắn khoa học trong quá trình hội nhập quốc tế. Chỉ có như vậy mới tạo ra được những bước đi vững chắc cho sự phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam.

Triết học với những chức năng chỉ đạo là *thế giới quan, phương pháp luận, nhận thức luận* phải tham gia tích cực vào việc định hướng, đưa ra các ý kiến gợi mở cho quá trình hội nhập của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bài viết tập trung vào các vấn đề:

1. Triết học với việc nhận thức về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2. Một số ý kiến về đổi mới tư duy triết học trong bối cảnh toàn cầu hóa học.

* PGS.TS. Viện Triết học.

1. Toàn cầu hoá và quá trình hội nhập của Việt Nam.

Về xu thế toàn cầu hóa

Trước hết cần thấy rằng toàn cầu hóa chính là *kết quả phát triển tất yếu về kinh tế – xã hội thế giới*. Nó có quá trình hình thành, phát triển của mình. Một cách khái quát có thể nêu ra một số hình thức biểu hiện quá trình phát triển của toàn cầu hóa như sau:

1. Hình thức toàn cầu hóa đầu tiên là sự toàn cầu hóa các giao dịch thương mại.
2. Hình thức thứ hai là toàn cầu hóa công nghiệp. Vốn đầu tư công nghiệp ra nước ngoài tăng nhanh và cơ cấu đầu tư cũng tăng trong lĩnh vực dịch vụ (từ 253 tỷ USD năm 1994 lên 649 tỷ USD năm 1998).
3. Hình thức thứ ba là toàn cầu hóa tài chính. Trong thời gian gần đây đã xuất hiện xu thế ra đời các chính sách, chế tài chính chung, sự tự do hóa thị trường tài chính.
4. Gần đây là xu thế toàn cầu hóa thông tin với sự xuất hiện các mạng Internet toàn cầu.

Có cơ sở để khẳng định rằng trong thời kỳ hiện nay các hình thức trên bổ sung cho nhau, thống nhất với nhau tạo ra xu thế phát triển tất yếu của thời đại. Đặc biệt vai trò của *hình thức thứ tư* tạo ra bước ngoặt trong việc gia tăng mức độ và ảnh hưởng của toàn cầu hóa. Nó không chỉ làm thay đổi căn bản diện mạo của nền kinh tế thế giới mà còn tác động sâu sắc đến mọi phương diện của đời sống xã hội.

Cũng từ đó, có thể khẳng định toàn cầu hóa là *một hiện tượng tất yếu khách quan*. Roland Blum đã nhận xét có lý rằng: Toàn cầu hóa là một cuộc bắt buộc phải tham gia. Giống như đi máy bay, toàn cầu hóa cho phép ta đi nhanh hơn, xa hơn thường là cũng được bảo đảm những điều kiện an toàn hơn. Nhưng khi sự cố xảy ra thì khủng khiếp, chết người. Chính vì vậy phải làm mọi cách để tăng cường sự an toàn. Nhưng không ai nghĩ đến chuyện rút lui và từ bỏ cuộc du ngoạn giữa các châu lục⁽¹⁾. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định “*toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lời cuốn ngày càng nhiều nước tham gia*⁽²⁾...”

Có thể khẳng định rằng trong thời đại ngày nay, toàn cầu hóa là xu thế tất yếu trong sự phát triển của nhân loại. Nó là một yếu tố đảm bảo sự tăng trưởng nhanh về kinh tế của toàn cầu cũng như của mỗi nước. Toàn cầu hóa đã tạo ra một diện mạo và một sức sống mới cho nền kinh tế thế giới cũng như cho các khu vực, cho mỗi quốc gia, dân tộc, nó đã tạo ra một sự thay đổi về chất trong sự phát triển kinh tế - xã hội chứ không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về cấp độ, nhịp độ. Có thể khẳng định, *toàn cầu hóa tạo ra sự gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các vùng lãnh thổ, giữa các quốc gia, dân tộc, giữa các lĩnh vực khác nhau của sản xuất, các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội trong quá trình phát triển*. Ngày nay sự phát triển của nền kinh tế mỗi nước đều có

quan hệ với sự phát triển của nền kinh tế các nước khác, với kinh tế toàn cầu và ngược lại, sự suy thoái của một nền kinh tế cũng tác động tiêu cực đến các nền kinh tế khác. Chính do những ưu việt ấy không một quốc gia nào có thể thờ ơ, đứng ngoài quá trình toàn cầu hóa.

Từ đó, trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010, Đảng ta đã khẳng định: *“Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan tiếp tục lôi cuốn các nước và mở rộng trên các lĩnh vực, làm tăng sức ép cạnh tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế⁽³⁾”*.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, cùng với những ưu thế của mình, toàn cầu hóa cũng có mặt trái của nó xét từ *các nguy cơ* mà nó có thể gây ra cho mỗi quốc gia và cả cộng đồng.

Theo chúng tôi toàn cầu hóa có thể gây ra những hậu quả sau đây:

1. Có thể gây ra hiện tượng mất gốc, làm mất đi bản sắc dân tộc và mất đi sự liên kết xã hội.
2. Làm mất ổn định kinh tế và chính trị của các nước.
3. Làm sâu sắc thêm, hay tạo ra những khác biệt mới bên trong từng nước cũng như giữa các nước giàu và các nước nghèo.
4. Làm tăng khoảng cách phát triển giữa các nước giàu và nước nghèo.
5. Từ cạnh tranh kinh tế chuyển sang *xung đột giá trị*, tạo ra cú sốc ngược và *những toan tính dân tộc cực đoan*.

Những nguy cơ trên không phải là sự suy tưởng mà đã từng được các nhà khoa học, các chính khách cảnh báo, đồng thời cũng đã có những biểu hiện ở mức độ nhất định nào đó trong thế giới ngày nay. Tất nhiên, *các nguy cơ ấy không phải là không thể vượt qua được, càng không thể là lực cản chặn đứng xu thế toàn cầu hóa*. Vấn đề là cần có chiến lược phát triển đúng đắn cả trong phạm vi của mỗi nước và cả trong phạm vi toàn thế giới.

Cũng cần phải thấy rằng tác động toàn cầu hoá đến các nước là không giống nhau. *Với Việt Nam, những tác động của toàn cầu hóa chỉ mới bắt đầu, đặc biệt là từ khi công cuộc đổi mới, trong đó có đổi mới tư duy_ được thực hiện*. Thực tiễn hơn 15 năm đổi mới đất nước đã chỉ rõ từ một nước chậm phát triển, Việt Nam đã thu được những thành tựu rất đáng khích lệ, làm thay đổi toàn diện bộ mặt đất nước. *Về mặt kinh tế*, chúng ta không chỉ vượt qua được khủng hoảng mà còn không ngừng nâng cao được đời sống nhân dân, có tích lũy cho sản xuất. Trong thời gian qua sự phát triển kinh tế luôn ổn định và đạt mức tăng trưởng bình quân trên 7%. *Về văn hóa*, chúng ta đã có được những tiến bộ rõ rệt, nâng cao được đời sống tinh thần của nhân dân. Những di sản của văn hóa truyền thống được khôi phục và phát triển trên cơ sở hiện đại hóa. Những tinh hoa văn hóa của nhân loại được tiếp biến nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. *Về chính trị – xã hội*, chúng ta từng bước giải quyết việc làm, thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo. Cùng với sự phát triển kinh tế,

chúng ta đã giữ vững được sự ổn định chính trị – xã hội, thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội.

Có được những thành tựu trong thời gian qua, ngoài sự cố gắng, nỗ lực của bản thân – thể hiện sự đúng đắn của đường lối đổi mới toàn diện đất nước, những chính sách phát triển kinh tế – xã hội tích cực, theo chúng tôi cũng có *sự tác động nhất định của toàn cầu hóa*. Tác động của toàn cầu hóa sẽ ngày càng lớn và nó không chỉ tác động tới đời sống kinh tế mà còn tác động tới đời sống tinh thần của xã hội. Chính vì vậy, chúng ta cần tích cực, chủ động trong hội nhập quốc tế.

Về quá trình hội nhập của Việt Nam

Xác định được tính chất của thời đại, cùng với công cuộc đổi mới đất nước, Việt Nam đã *chủ động và tích cực tham gia hội nhập kinh tế quốc tế*, Đảng và Nhà nước đã thấy được những khó khăn, thách thức đang đặt ra và xây dựng định hướng cơ bản khi tham gia hội nhập ***“Hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là cuộc đấu tranh chống sự chi phối của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu⁽⁴⁾”***.

Nhận thức được ưu thế và thách thức của quá trình toàn cầu hóa, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra đường lối chính sách đối ngoại đúng đắn: thực hiện chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế, mở rộng quan hệ, hợp tác với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế – xã hội, có kế hoạch tổng thể tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Vấn đề hội nhập quốc tế ở Việt Nam từng là chủ đề của nhiều cuộc hội thảo từ các khía cạnh khác nhau. *Dưới góc độ triết học*, chúng tôi cho rằng cần phải tập trung vào những nội dung thiết thực đặt ra. *Thứ nhất*, chúng ta phải tìm hiểu, nghiên cứu đầy đủ các thể chế, chính sách cũng như sự phát triển của các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác của khu vực và toàn cầu như AFTA, APEC, EU, NAFTA, WTO... hoạt động của các công ty xuyên quốc gia cũng như luật pháp quốc tế. Đây chính là cơ sở để Việt Nam có thể lựa chọn các hình thức hợp tác quốc tế phù hợp với đặc điểm và lợi ích của đất nước. Về điểm này, chúng ta cũng đã có những bước tiến khá vững chắc. Nó thể hiện ở chỗ, chúng ta đã có những hiểu biết nhất định về các tổ chức quốc tế, quy chế hoạt động của chúng cũng như điều lợi và bất lợi đối với Việt Nam khi tham gia các tổ chức khu vực và quốc tế. Những hiểu biết như vậy giúp chúng ta chủ động hơn trong hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, theo chúng tôi, để hội nhập có hiệu quả, chúng ta cần tiếp tục tìm hiểu sâu hơn, chẳng những trên các văn bản mà cả trên thực tiễn. Chỉ có như vậy, việc tham gia hội nhập quốc tế mới đem lại hiệu quả cao nhất. Thời gian qua đã xảy ra nhiều cuộc tranh chấp thương mại quốc tế, trong đó có những tranh chấp giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức, công ty đối tác. Việc giải

quyết các tranh chấp này thể hiện sự khá lúng túng của Việt Nam, trong đó có những hạn chế do kém hiểu biết về đối tác, quy chế cũng như thực tế hoạt động của các đối tác. Chính những tranh chấp như vậy là những bài học bổ ích cho Việt Nam khi thực sự tham gia hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở hiểu biết của mình, Việt Nam đang tích cực tham gia vào các tổ chức thương mại khu vực và thế giới như AFTA năm 1995, APEC năm 1998 và gần đây là WTO. Việt Nam cũng đã ký các hiệp nghị thương mại song phương với hàng chục quốc gia. Vấn đề đang đặt ra bức xúc là làm thế nào để tham gia vào các tổ chức trên một cách có hiệu quả.

Thứ hai, vấn đề thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đảm bảo Việt Nam tham gia hội nhập có hiệu quả. Đây là vấn đề phức tạp nhất khi Việt Nam tham gia hội nhập, bởi lẽ làm thế nào để hội nhập nhưng không hòa tan, làm thế nào vừa hội nhập để phát triển đất nước vừa giữ vững được *định hướng XHCN*. Cùng với toàn Đảng, toàn dân, *triết học đã tham gia tích cực vào việc xây dựng đường lối đổi mới đất nước nhằm thực hiện được các nhiệm vụ trên*.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, Việt Nam đã từng bước giải quyết tốt các yêu cầu để tham gia hội nhập với những đặc điểm riêng của mình.

- Nổi bật nhất là chúng ta đã đổi mới thể chế và kết cấu kinh tế, xây dựng một nền *kinh tế thị trường định hướng XHCN*. Có thể nói nền kinh tế thị trường là điều kiện cần thiết để tham gia hội nhập quốc tế. Xu thế toàn cầu hóa không thể chấp nhận nền kinh tế tập trung, bao cấp.

- Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, cùng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh theo sự điều tiết của thị trường và sự quản lý của nhà nước.

- Từng bước hình thành các loại thị trường, tiến tới xây dựng nền kinh tế được điều tiết *một cách đồng bộ* bởi cơ chế thị trường.

- Xây dựng hệ thống thuế tương đối đồng bộ và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Xây dựng hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ nhằm quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, tiến tới xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Mở rộng thực hiện dân chủ, xây dựng quy chế dân chủ, nhằm phát huy mọi tiềm năng của đất nước.

Những đổi mới trên đây và cùng với những đổi mới trên các lĩnh vực khác đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tuy nhiên, cũng còn những điểm nhất định mà giữa Việt Nam và thông lệ quốc tế còn có độ vênh. Việt Nam đang tích cực thực hiện đổi mới theo hướng vừa tham gia hội nhập có hiệu quả vừa giữ vững được định hướng phát triển đất nước.

2. Vấn đề đổi mới tư duy triết học trong bối cảnh toàn cầu hóa

Cùng với công cuộc đổi mới đất nước nói chung, đổi mới tư duy nói riêng, *đổi mới tư duy triết học* là một vấn đề rất quan trọng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề này lại càng bức xúc hơn.

Có thể khẳng định rằng, tư duy triết học là thứ tư duy khái quát nhất, nó là kết tinh văn hóa tinh thần của mỗi thời đại. Sinh thời Ăngghen đã nhận xét tư duy lý luận của mỗi thời đại, kể cả thời đại chúng ta, là sản phẩm của lịch sử, có nội dung rất khác nhau và hình thức cũng rất khác nhau.

Với tư cách là sản phẩm của lịch sử, *tư duy triết học* của mỗi thời đại (mỗi giai đoạn lịch sử) vừa là sự kế thừa các yếu tố hợp lý của tư duy các thời đại, vừa là sự khái quát (đúc kết, tổng kết) những thành tựu văn hoá, khoa học... của thời đại mình. Cho nên, để có sự đổi mới tư duy triết học, một mặt, chúng ta cần phải kế thừa các giá trị tư duy đã có (truyền thống), mặt khác, lại phải đúc kết từ những trình tựu văn hoá, khoa học mới nhất để đổi mới và phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc đổi mới tư duy triết học không thể không tính đến những tác động và xu hướng vận động của nó. Dưới góc độ của mình, chúng tôi phân tích một số khía cạnh liên quan đến đổi mới tư duy triết học hiện nay, trong đó bao gồm cả kế thừa các giá trị của tư duy triết học truyền thống.

Thứ nhất: Trên hình diện thế giới quan – nhân sinh quan, *tính nhân văn* là một giá trị của tư duy triết học truyền thống. Như trên đã nhận xét, toàn cầu hóa có những tác động tích cực và tiêu cực của nó. Tuy nhiên, toàn cầu hóa phải vì con người, phục vụ lợi ích của con người. Để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, hội nghị G8 gần đây đã nhắc đến sự cần thiết phải đảm bảo một quá trình *toàn cầu hóa mang tính nhân văn*(⁵).

Tư duy triết học, hơn lúc nào hết phải coi trọng tính nhân văn, phải đi sâu nghiên cứu để đảm bảo cho sự phát triển hài hòa của con người với bản chất vốn có của nó “một thực thể sinh vật – xã hội”, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu, tính nhân văn trong triết học truyền thống phải được nâng lên tầm hiện đại, vừa đáp ứng các lợi ích trước mắt, vừa phải đảm bảo sự phát triển cho tương lai; vừa đảm bảo lợi ích của từng quốc gia, dân tộc vừa phải đảm bảo lợi ích chung của toàn nhân loại.

Như vậy, tư duy triết học phải chú ý thích đáng tới sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững, với bảo vệ môi trường; vừa đảm bảo giữ gìn bản sắc của các dân tộc, vừa bảo toàn tính đa dạng của toàn nhân loại, phát triển tính nhân loại; vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế, vừa giữ gìn sự ổn định chính trị - xã hội.

Với mỗi nước, mỗi dân tộc, kế thừa và phát triển các giá trị nhân văn truyền thống là một trong những điểm quan trọng để phát huy nội lực và giữ gìn bản sắc dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa. Đồng thời lại phải tiếp thu tinh hoa của các nền văn hóa khác để đảm bảo cho sự hội nhập lành mạnh. Đây chính là một

động lực phát triển của mỗi Quốc gia cũng như của toàn cầu. Như vậy tính nhân văn vừa mang đậm *truyền thống các dân tộc* vừa mang đậm *tính nhân loại*.

Thứ hai: Trên bình diện phương pháp luận, *tính biện chứng* cũng là một đặc điểm của tư duy triết học truyền thống. Tư duy biện chứng mang tính mềm dẻo, linh hoạt, năng động... Đó là vốn quý mà triết học hiện đại phải kế thừa. Trong xu thế toàn cầu hóa với sự bùng nổ thông tin và cùng với nó là việc tạo ra nhiều khả năng lựa chọn cho các chủ thể... tư duy ấy sẽ góp phần to lớn cho việc *lựa chọn các khả năng*, cũng như cho việc *điều chỉnh kịp thời* khi gặp các tình huống khó khăn.

Tuy nhiên, tư duy biện chứng ấy hoặc mang *tính chất tư biện*, xa rời thực tế và vì vậy không khoa học, hoặc *mang tính trực quan*, nó chủ yếu xuất phát từ sự khái quát kinh nghiệm, thiếu căn cứ logic. Nó sẽ khó giúp chúng ta trong việc *lựa chọn chính xác khả năng hiệu quả nhất* để phát triển. Chính vì vậy, cần đổi mới tư duy biện chứng ấy phát triển nó lên *tư duy biện chứng khoa học*. Từ đòi hỏi trên, *một mặt* tư duy triết học mới cần phải kết hợp giữa tính biện chứng truyền thống với tư duy logic để có được tư duy biện chứng khoa học sâu sắc. *Mặt khác*, cũng cần khắc phục tính hạn chế của chủ nghĩa duy lý cũng như chủ nghĩa duy nghiệm, kết hợp được các ưu điểm của chúng trong các phân tích triết học. *Và cuối cùng* phải biết kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn.

Thứ ba: Trên bình diện nhận thức luận, triết học hiện tại *thường tập trung* vào các vấn đề: cái gì có trước, cái gì có sau; con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không? Theo chúng tôi điều đó là chưa đủ. Phải chăng cần thiết phải quan tâm tới vấn đề *con người nhận thức thế giới bằng cách nào? bằng các công cụ nào?*

Trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, con người luôn đi sâu nhận thức về thế giới bằng *lăng kính của mình*, con người không ngừng *sáng tạo ra các công cụ* (cả công cụ vật chất và công cụ tinh thần, cả các công cụ kinh nghiệm và các công cụ duy lý) *để nhận thức thế giới*. Đã đến lúc, triết học phải đi sâu phân tích các công cụ nhận thức của con người, khả năng con người sáng tạo ra chúng, sử dụng chúng để nhận thức thế giới. Từ những phân tích ấy mà làm rõ hơn khả năng nhận thức và cải tạo thế giới của con người.

Cũng từ những phân tích ấy, triết học phải làm rõ vấn đề trang bị cho con người các công cụ nhận thức mới, đồng thời đưa ra các tiêu chuẩn để đánh giá tính chân lý của các kết quả nhận thức của con người. Theo chúng tôi, cần có sự đổi mới trong quan niệm về tính chân lý của các tư tưởng, lý thuyết. Chúng ta thường tuyệt đối hóa *tiêu chuẩn thực tiễn* mà xem nhẹ, thậm chí bỏ qua *tiêu chuẩn logic*. Đó là một sai lầm. Một lý thuyết có thể là đúng cho "một thực tiễn vụn vặt" nào đó, nhưng nếu trong chúng xuất hiện (dưới hình thức thực tế hoặc tiềm năng) các mâu thuẫn logic thì liệu chúng có dùng được không?

Thứ tư: Triết học *phải tham gia giải quyết các vấn đề do thực tiễn của mỗi nước, cũng như của thế giới đặt ra*. đương nhiên, đây không phải là "thực tiễn

vụn vặt” mà phải vạch ra được cái chung, cái có tính quy luật trong sự phát triển của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, cũng như của toàn nhân loại

Một mặt, nó phải tham gia lý giải về đặc điểm bản chất của toàn cầu hoá, xu hướng phát triển của toàn cầu hóa, từ đó đưa ra được các dự báo tương lai. *Mặt khác*, triết học phải tham gia nghiên cứu tác động của toàn cầu hóa đối với các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau, cũng như toàn cầu, từ đó tham gia giải quyết các vấn đề mà toàn cầu hoá gây ra. *Cuối cùng*, triết học phải tham gia xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển toàn cầu, giải quyết các vấn đề toàn cầu đang đặt ra.

Để giải quyết các vấn đề này, các nhà triết học trên thế giới phải có sự hợp tác chặt chẽ, tôn trọng và biết khai thác, kế thừa những tinh hoa của các trào lưu triết học khác nhau. Chắc chắn đây sẽ là một động lực cho sự phát triển triết học trong tương lai.

*

* *

Trên đây là một số suy nghĩ cá nhân từ *góc độ triết học* về quá trình hội nhập của Việt Nam và một số ý kiến về *đổi mới tư duy triết học* trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc đổi mới tư duy triết học rõ ràng là yêu cầu cần phải được quan tâm đúng mức để triết học có thể đóng góp tích cực hơn trong quá trình hội nhập của Việt Nam.

Chú thích

1. Xem Roland Blum - *Toàn cầu hóa*. Nxb. Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2000, Tr.82
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
5. Xem Roland Blum - *Toàn cầu hóa*. Nxb. Chính trị Quốc gia - Hà Nội, 2000. Tr. 14